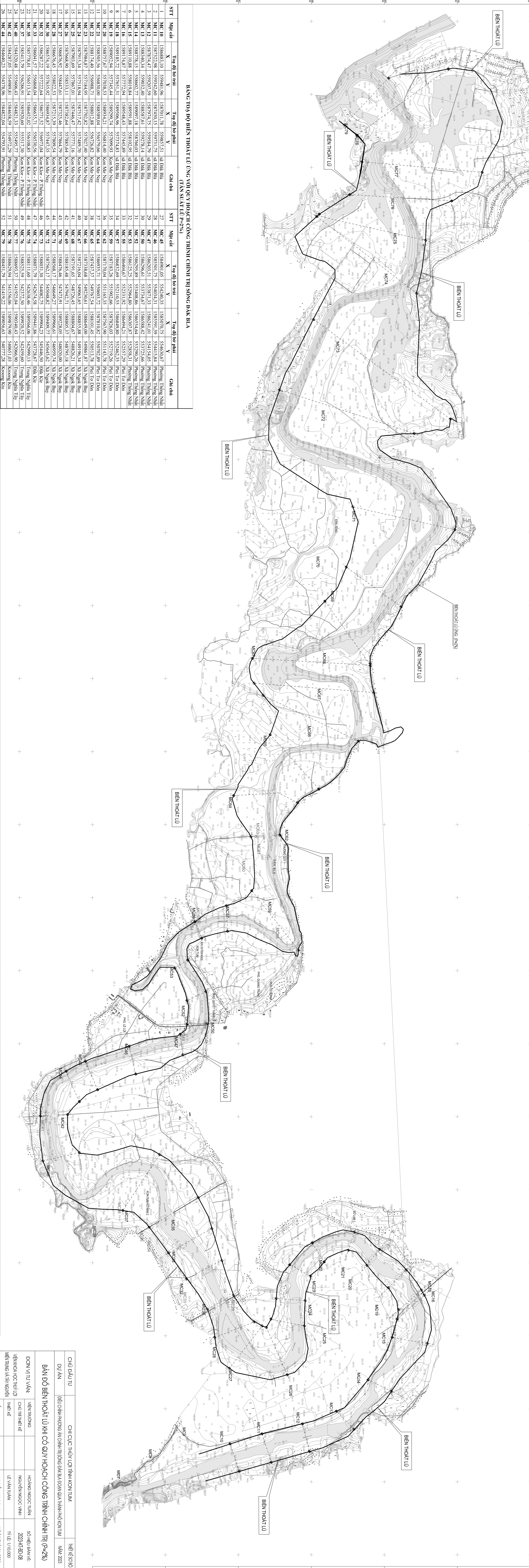


BẢN ĐỒ BIÊN THOÁT LŨ ỨNG VỚI QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH CHÍNH TRỊ SÔNG ĐÀK BLA (P=2%)

Tỷ lệ 1:10.000



BẢNG TOẠ ĐỘ BIÊN THOÁT LŨ ỨNG VỚI QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH CHÍNH TRỊ SÔNG ĐÀK BLA (TÀM SỰ LŨ P=2%)

STT	Mặt cắt	Toạ độ bờ trái		Toạ độ bờ phải		Ghi chú
		X	Y	X	Y	
1	MC 10	1586883,10	559481,96	1587011,78	559657,51	Phường Thới Bình
2	MC 11	1587522,98	559424,60	1587450,15	559511,75	Phường Thới Bình
3	MC 12	1587874,47	559207,59	1587974,25	559584,19	Phường Thới Bình
4	MC 13	1588340,34	559032,40	1588357,61	559278,14	Phường Thới Bình
5	MC 14	1588778,15	558602,77	1588097,18	558780,45	Phường Thới Bình
6	MC 15	1589110,88	558019,84	1589591,88	558102,95	Phường Thới Bình
7	MC 16	1589714,87	557722,94	1589548,45	557445,89	Phường Thới Bình
8	MC 18	1589185,72	557651,51	1589506,96	557774,83	Phường Thới Bình
9	MC 19	1589052,94	557345,44	1589297,74	557099,95	Phường Thới Bình
10	MC 20	1588576,67	557038,53	1588934,21	556814,40	Phường Thới Bình
11	MC 21	1588505,56	556830,00	1588359,04	556979,66	Phường Thới Bình
12	MC 22	1588174,40	556988,71	1588012,88	556726,62	Phường Thới Bình
13	MC 23	1587963,69	557184,95	1587702,82	557040,79	Xã Núi Bà
14	MC 24	1587915,34	557184,95	1587512,42	557040,79	Xã Núi Bà
15	MC 25	1587903,69	557860,21	1587446,47	557711,14	Xã Núi Bà
16	MC 26	1587608,90	558531,11	1587382,64	557888,64	Xã Núi Bà
17	MC 27	1586676,92	558447,61	1587215,46	557864,80	Kom Mây
18	MC 28	1586676,92	558023,53	1587325,49	557800,54	Kom Mây
19	MC 30	1586574,19	557653,92	1586947,32	557447,35	Kom Mây
20	MC 32	1586287,22	557222,64	1586711,55	556970,14	Kom Klor - P Thới Nhứt
21	MC 33	1586041,57	556868,04	1586653,21	556500,88	Kom Klor - P Thới Nhứt
22	MC 35	1585787,81	556515,54	1586435,02	556100,88	Kom Klor - P Thới Nhứt
23	MC 37	1585454,13	556268,69	1585920,60	555517,32	Kom Klor - P Thới Nhứt
24	MC 40	1584378,08	555606,43	1584821,33	555495,77	Phường Thới Nhứt
25	MC 42	1584287,05	554989,81	1584658,59	554797,92	Phường Thới Nhứt
26	MC 44	1584620,25	554787,96	1584822,04	554797,92	Phường Thới Nhứt
27	MC 45	1585891,05	554500,35	1585891,05	554500,35	Phường Thới Bình
28	MC 46	1585850,79	554438,67	1585850,79	554438,67	Phường Thới Bình
29	MC 47	1585806,61	553787,33	1586024,01	554154,05	Phường Thới Bình
30	MC 50	1586092,61	553734,63	1586284,48	553725,66	Phường Thới Bình
31	MC 52	1586805,89	553506,80	1586954,64	553290,80	Phường Thới Bình
32	MC 53	1586829,62	553496,48	1586970,87	553288,31	Phường Thới Bình
33	MC 55	1586864,67	553233,92	1586840,91	552953,92	Phường Thới Bình
34	MC 57	1586820,67	551902,66	1586726,03	551463,78	Phường Thới Bình
35	MC 59	1587183,26	551062,66	1587567,90	551143,78	Phường Thới Bình
36	MC 62	1587170,00	550796,29	1587567,90	551143,78	Phường Thới Bình
37	MC 64	1586953,37	550602,72	1588101,82	550512,89	Phường Thới Bình
38	MC 65	1586953,37	550602,72	1588101,82	550512,89	Phường Thới Bình
39	MC 66	1587383,68	550250,66	1588545,88	550496,34	Xã Núi Bà
40	MC 67	1587160,46	550065,66	1588545,88	550496,34	Xã Núi Bà
41	MC 68	1587191,65	548792,75	1588804,37	548826,61	Xã Núi Bà
42	MC 69	1588185,85	547964,21	1588804,37	547995,18	Xã Núi Bà
43	MC 70	1588876,46	547472,91	1589282,05	546959,74	Xã Núi Bà
44	MC 71	1588868,17	546400,27	1589282,05	546959,74	Xã Núi Bà
45	MC 72	1587362,17	545088,72	1589066,61	545465,62	Xã Núi Bà
46	MC 73	1588013,91	544082,85	1589042,33	544465,62	Xã Núi Bà
47	MC 74	1588011,60	542678,46	1588941,86	542798,47	Xã Núi Bà
48	MC 75	1588171,60	542638,46	1588966,06	542993,61	Xã Núi Bà
49	MC 76	1588825,59	543272,30	1589200,52	542659,60	Trưng Nhứt Tây
50	MC 77	1588809,37	541925,64	1590140,23	542068,60	Trưng Nhứt Tây
51	MC 78	1588850,29	541551,66	1589950,65	540775,08	Kom Klor
52	MC 79	1588851,79	541551,66	1589950,65	540775,08	Kom Klor

CHỦ ĐẦU TƯ	CHI CỤC THỦY LỢI THÀNH KON TUM	THIẾT KẾ
DỰ ÁN	BIÊN THOÁT LŨ ỨNG VỚI QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH CHÍNH TRỊ SÔNG ĐÀK BLA (P=2%)	NĂM 2023
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:	VIỆN KINH HỌC THỦY LỢI	SỐ HIỆU BẢN VẼ:
THIẾT KẾ	NGUYỄN NGỌC VINH	2023-KT-BĐ-08
THIẾT KẾ	NGUYỄN NGỌC VINH	TỶ LỆ 1:10.000
THIẾT KẾ	NGUYỄN NGỌC VINH	HOÀN THÀNH: 2023